

Bản án số: 21/2024/DS-PT  
Ngày 20/9/2024  
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho, ông Trần Tử

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:* Ông Lê Văn Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLPT-DS ngày 05/9/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXX-PT ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị P, sinh năm 1985. HKTT: Thôn 1, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện nay: Làng Chót, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- **Bị đơn:** Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1972. Địa chỉ: Làng Chót, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024, tại các Bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

- Ngày 29/9/2019 (nhằm ngày 01/9/2019 âm lịch), chị P có cho bà Nguyễn Thị Ch vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và bà Ch hẹn đến ngày 01/02/2020 âm lịch (tức là ngày 23/2/2020 dương lịch) sẽ trả lại cho chị P. Tiếp tục đến ngày 07/11/2019, chị P cho bà Ch vay số tiền

20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bà Ch hẹn đến ngày 07/12/2019 sẽ trả lại cho chị P. Bà Ch tự viết nội dung mượn và ký tên, sau đó đưa 02 giấy mượn tiền cho chị P cất giữ. Khi chị P cho bà Ch vay tiền thì chị P không tính lãi suất; đến hạn trả nợ, chị P đến đòi tiền nhưng bà Ch có nói “*khi nào bà có sớm thì trả sớm, còn chưa có thì bà sẽ trả lãi theo mức Ngân hàng*”.

Ngày 12/4/2022, bà Ch có trả cho chị P 20 triệu tiền nợ gốc (trong đó, 2,1 kg cao khi có giá trị là 6 triệu đồng và tiền mặt là 14 triệu đồng). Bà Ch có ghi việc trả nợ cho bà P vào sổ của bà Ch, có chữ ký của bà P và chị P đã chụp hình ảnh lại; chị P không thừa nhận lời khai của bà Ch về việc 24 triệu lần đầu tiên là 20 triệu tiền gốc, 4 triệu tiền lãi; không thừa nhận lời khai bà P đã lấy hàng của bà Ch để trừ nợ.

Chị P yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho chị P tổng số tiền là 33.600.000.000đ (Ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả là 9.600.000 đồng (lãi suất là 10%/năm, tính từ thời hạn hẹn trả là tháng 01/02/2020 đến ngày bà P khởi kiện là 4 năm).

*\* Theo Bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Vào năm 2019, bà Nguyễn Thị Ch có mượn của chị P số tiền là 40 triệu đồng nhưng chị P có bảo bà Ch tính thêm 4 triệu tiền lãi nên ghi trong 02 giấy mượn tiền là 44 triệu đồng hẹn cuối năm 2019 trả lại nhưng sau đó chị P có nói với bà Ch là “*số tiền đó bà để từ từ trả em sau chồng em có hỏi thì nói trả rồi để khi nào em cần em lấy về*” nên kể từ đó mỗi khi chị P cần là chị P gọi cho bà Ch nói rằng “*mẹ em vô đưa em 5 triệu hoặc là 2 triệu*” hoặc nhiều khi chị P vô lấy hàng của bà Ch để trừ vào số tiền này. Vì vậy, bà Ch cho rằng tổng số tiền đưa cho chị P là 58 triệu đồng nhưng thực sự bà Ch nghĩ bà và chị P là chỗ chị em thân thiết, tin tưởng nhau nên bà Ch không đòi hỏi chị P viết văn bản nào hay trả lại các giấy tờ mượn tiền mà bà P đang giữ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ch cung cấp 01 văn bản với nội dung “*Hôm nay, ngày 21-10, bà và L vào lấy 5.000.000 đồng*” có chữ ký của L, bà Ch xác định L là con gái bà Ch và bà đây là mẹ ruột của bà P.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 33.600.000 đ (Ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng)

Ngoài ra còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Ngày 14/8/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo, yêu cầu Tòa án tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

Tại phiên tòa, Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L con bà P vào tham gia tố tụng để làm rõ số tiền 5.000.000 đồng đã nhận của bà Ch là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà P đồng ý cho bà Ch 5.000.000 đồng số tiền L lấy hộ vào ngày 21/10/2021, do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm số số 02/2024/DSST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

### **[2] Xét nội dung kháng cáo:**

[2.1]. Bị đơn Nguyễn Thị Ch thừa nhận có vay mượn theo 02 giấy mượn tiền do bà P cung cấp, tổng cộng 02 giấy mượn tiền là 44 triệu đồng; tuy nhiên bà Ch kháng cáo cho rằng bà đã trả hết số nợ, cụ thể: Ngày 21/10/2021 mẹ và con chị P đã vào lấy 5 triệu đồng, ngày 12/4/2022 bà Ch đã trả chị P 20 triệu đồng, ngoài ra bà Ch bán hàng và đưa tiền mặt tổng cộng là 58 triệu đồng. HĐXX thấy rằng:

Đối với khoản tiền 20 triệu ngày 12/4/2022, chị P cũng thừa nhận bà Ch đã trả số tiền này và không nằm trong yêu cầu khởi kiện của chị P; về lời khai chị P mua hàng của bà Ch, bà Ch đã trả dần nợ cho chị P số tiền tổng cộng là 58 triệu, đã trả hết nợ; xét thấy bà Ch không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai này, do đó không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với số tiền 5 triệu đồng được thể hiện trong giấy kê ôly do bà Ch cung cấp với nội dung “*Hôm nay ngày 21-10-2021 bà với L vào lấy 5.000.000 (triệu trăn) năm triệu, L*”, tại phiên tòa sơ thẩm chị P không thừa nhận và nói rằng số tiền này không liên quan trong vụ án; tuy nhiên tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, chị P chấp nhận số tiền 5 triệu đồng này để trừ vào nợ gốc; do đó HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo, trừ đi trong tổng số nợ 5 triệu tiền gốc và tiền lãi chậm trả trên số tiền 5 triệu đồng tính từ ngày vay đến ngày 13/3/2024 làm tròn 4 năm như cấp sơ thẩm đã làm tròn với lãi suất 10%/năm là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Số tiền bà Ch còn phải thanh toán cho chị P là:  $33.600.000đ - 5.000.000đ - 2.000.000đ = 26.600.000$  đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm đã tính lãi chậm trả cho chị P từ ngày bà Ch chậm trả đến ngày khởi kiện mà không xem xét tính đến ngày xét xử sơ thẩm là còn thiếu sót, tuy nhiên nội dung này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX phúc thẩm yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2] Về án phí dân sự: Do kháng cáo được Tòa án chấp nhận một phần nên bị đơn Nguyễn Thị Ch không phải chịu án phí phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật, chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền Tòa án không chấp nhận (7.000.000 đồng); bà Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải trả nợ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ch. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

*Tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 26.600.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*)

- *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành mà bà Nguyễn Thị Ch chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền nói trên.

**3. Về án phí:** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 29 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001192 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng

- Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 1.330.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001223 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Bà Nguyễn Thị Ch còn phải chịu 1.030.000 (Một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh. Kon Tum;
- Chi cục THADS H. Sa Thầy;
- VKSND H. Sa Thầy;
- TAND H. Sa Thầy;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Thành**